

Số: /SGTVT-QLVT,PT&NL

Kon Tum, ngày tháng 02 năm 2024

Về việc hướng dẫn một số nội dung liên quan đến hoạt động vận tải thủy nội địa.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Kon Tum.

Triển khai thực hiện Văn bản số 207/UBND-HTKT ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc tăng cường quản lý phương tiện thủy có gắn máy móc, thiết bị hút cát, sỏi; đồng thời tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông trong hoạt động vận tải thủy nội địa, tăng cường công tác tuyên truyền hướng dẫn cho người dân tham gia giao thông vận tải thủy nội địa; Sở Giao thông vận tải hướng dẫn một số nội dung như sau:

### **1. Đối với đăng ký lần đầu phương tiện thủy nội địa**

Việc đăng ký phương tiện thủy nội địa được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 35/2020/TT-BGTVT ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; theo đó “Phương tiện thủy nội địa của tổ chức, cá nhân đưa vào hoạt động trên đường thủy nội địa phải được đăng ký theo quy định tại Thông tư này, trừ phương tiện thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người hoặc bè”. Thủ tục đăng ký theo hướng dẫn tại Phụ lục 1 kèm theo Văn bản này.

### **2. Đối với việc cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa**

Việc cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016; Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm; Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa. Thủ tục cấp Giấy

chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 kèm theo Văn bản này.

### **3. Đối với việc công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa**

Việc công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa thực hiện theo Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa và Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa (*Nghị định số 06/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 3 năm 2024*). Thủ tục công bố theo hướng dẫn tại phụ lục 3 kèm theo Văn bản này.

Sở Giao thông vận tải hướng dẫn để Quý cơ quan biết./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (ph/h);
- Lãnh đạo Sở;
- TBT Trang thông tin điện tử của Sở;
- Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, QLVTPT&NL.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Đức Hương**

## **Phụ lục 1: Hướng dẫn đăng ký lần đầu phương tiện thủy nội địa**

### **I. Cơ quan đăng ký phương tiện**

1. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và các Chi cục Đường thủy nội địa khu vực tổ chức, thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB của tổ chức, cá nhân.

2. Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đăng ký phương tiện mang cấp VR-SB, phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đó.

3. Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện thực hiện đăng ký phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

4. Cấp xã, phường, thị trấn: Thực hiện đăng ký phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người của tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn quản lý.

### **II. Về thủ tục đăng ký**

#### **1. Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa**

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến cơ quan đăng ký phương tiện theo quy định nêu trên. Hồ sơ bao gồm:

1.1. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

a) Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 2 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT .

b) 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

c) Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

d) Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 3 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

1.2. Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

a) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

b) Giấy phép hoặc tờ khai phương tiện nhập khẩu theo quy định của pháp luật đối với phương tiện được nhập khẩu;

c) Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

d) Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;

đ) Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

1.3. Trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật khi thực hiện đăng ký không phải xuất trình giấy tờ quy định tại điểm c mục 1.2 .

1.4. Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

b) Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

## **2. Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa**

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến cơ quan đăng ký phương tiện theo quy định nêu trên. Hồ sơ bao gồm:

2.1. Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

a) Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 4 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT.

b) 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

c) Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

d) Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 3 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

2.2. Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

a) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

b) Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

2.3. Đối với phương tiện đang khai thác trước ngày 01/01/2005, thực hiện theo quy định tại mục 2.1 và mục 2.2.

2.4. Đối với phương tiện được đóng mới trong nước sau ngày 01/01/2005, ngoài việc thực hiện theo quy định tại mục 2.1 và mục 2.2, chủ phương tiện phải xuất trình thêm bản chính của hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra, trừ trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật.

2.5. Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

b) Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

## **Phụ lục 2: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa**

### **1. Trình tự thực hiện:**

#### **a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị đến đơn vị đăng kiểm (Chi cục Đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Đơn vị đăng kiểm trực thuộc Sở GTVT có chức năng đăng kiểm phương tiện thủy nội địa).

#### **b) Giải quyết TTHC:**

- Đơn vị đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn hoàn thiện ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp trực tiếp) hoặc hướng dẫn hoàn thiện trong 02 (hai) ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác); nếu hồ sơ đầy đủ thì thống nhất thời gian, địa điểm kiểm tra.

- Đơn vị đăng kiểm tiến hành kiểm tra, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc (đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc dưới 70 km) và 02 (hai) ngày làm việc (đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên hoặc kiểm tra phương tiện ở vùng biển, đảo), kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường, đơn vị đăng kiểm cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa theo quy định nếu kết quả kiểm tra phương tiện thỏa mãn các quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia; thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị nếu kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu.

- Tổ chức, cá nhân đề nghị kiểm tra phương tiện nộp giá dịch vụ, lệ phí theo quy định và có thể nhận kết quả trực tiếp tại đơn vị đăng kiểm hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc các hình thức phù hợp khác.

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác.

### **3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **a) Thành phần hồ sơ:**

- Đối với kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi (bao gồm các loại tàu thuyền không phải là phương tiện thủy nội địa chuyển đổi thành phương tiện thủy nội địa); phương tiện đã đóng không có sự giám sát của đăng kiểm (bao gồm tàu làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, tàu cá chuyển đổi thành phương tiện thủy nội địa):

+ Giấy đề nghị kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT;

+ Bản sao giấy xóa đăng ký (đối với tàu biển, tàu cá chuyển đổi thành phương tiện thủy nội địa);

+ Văn bản chấp thuận sử dụng thiết kế của đơn vị thiết kế (đối với phương tiện đóng theo loạt).

- Đối với kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện đang khai thác:

+ Giấy đề nghị kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT;

+ Bản sao có chứng thực hợp đồng mua bán phương tiện (đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu phương tiện).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

#### **4. Thời hạn giải quyết:**

- Đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc dưới 70 km: trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường;

- Đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên hoặc kiểm tra phương tiện ở vùng biển, đảo: trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường.

**5. Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

#### **6. Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Đơn vị đăng kiểm thủy;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị đăng kiểm;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

**7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa.

#### **8. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC**

Thỏa mãn các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng: Sửa đổi 1:2016 QCVN 01:2008/BGTVT, Sửa đổi 2:2016 QCVN 17:2011/BGTVT, QCVN 25:2015/BGTVT, QCVN50:2012/BGTVT, QCVN51:2012/BGTVT, QCVN 54:2013/BGTVT, QCVN56:2013/BGTVT, Sửa đổi 1:2015 QCVN 72:2013/BGTVT, QCVN 72:2014/BGTVT, QCVN 84:2014/BGTVT, QCVN 85:2014/BGTVT, QCVN 95:2015/BGTVT, QCVN 96:2016/BGTVT.

### **Phụ lục 3: Hướng dẫn thủ tục công bố bến khách ngang sông, bến thủy nội địa**

#### **1. Cơ quan công bố:**

- Trước ngày 10 tháng 3 năm 2024, Sở Giao thông vận tải thực hiện công bố.

- Từ ngày 10 tháng 3 năm 2024, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công bố.

#### **2. Thủ tục công bố**

##### **2.1. Hồ sơ công bố hoạt động bến thủy nội địa**

Trước khi đưa công bến thủy nội địa vào khai thác, chủ bến thủy nội địa nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng các hình thức phù hợp khác 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố hoạt động theo quy định đến cơ quan có thẩm quyền công bố, hồ sơ như sau:

a) Đơn đề nghị công bố hoạt động bến thủy nội địa theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2021/NĐ-CP.

b) Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng bến thủy nội địa của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng;

c) Bản sao có chứng thực giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng bến thủy nội địa hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp là bến phao;

d) Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật của chủ đầu tư (đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng) hoặc phương án khai thác bến thủy nội địa;

đ) Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chiếu đứng, mặt cắt ngang công trình đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng;

e) Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông hoặc phao neo thuộc diện phải đăng kiểm (nếu sử dụng kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông làm cầu bến hoặc bến phao).

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền công bố ban hành quyết định công bố hoạt động bến thủy nội địa; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản gửi tổ chức, cá nhân qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng các hình thức phù hợp khác, nêu rõ lý do và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.



## **2.2. Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính**

Trước khi đưa bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính vào khai thác, chủ bến nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến cơ quan có thẩm quyền công bố, hồ sơ như sau:

a) Đơn nghị công bố hoạt động theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2021/NĐ-CP.

b) Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình (nếu có), bản sao có chứng thực giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng bến (đối với bến khách ngang sông); bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông hoặc phao neo thuộc diện phải đăng kiểm (nếu sử dụng kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông làm bến);

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền công bố ban hành quyết định công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính.

Ghi chú: Đối với việc công bố lại thực hiện theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP.